

STT	Tên đường phố, địa danh	Đoạn đường		Giá đất ở				Giá đất thương mại dịch vụ				Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
667	Đường 354	Cầu Hàn	Giáp địa phận xã Vĩnh Am	12.000	7.200	4.400	3.000	5.400	3.240	1.980	1.350	4.200	2.520	1.540	1.050
668	Quốc lộ 37	Giáp địa phận xã Vĩnh Am (phía cầu Đồng)	Giáp địa phận xã Vĩnh Am (phía cầu Chiến Lược)	15.000	9.000	4.500	3.200	6.750	4.050	2.025	1.440	5.250	3.150	1.575	1.120
669	Đường Trung Tân	Quốc lộ 37	Khu di tích Quốc gia đặc biệt danh nhân văn hóa Nguyễn Bình Khiêm	12.000	7.200	4.400	3.000	5.400	3.240	1.980	1.350	4.200	2.520	1.540	1.050
670	Đường từ Quốc lộ 37 vào chợ Nam Am (bên cạnh công ty CP kinh doanh hàng xuất khẩu cũ)	Đầu đường	Cuối đường	10.000	6.000	4.000	2.600	4.500	2.700	1.800	1.170	3.500	2.100	1.400	910
671	Đường đi xã Vĩnh Am vào cổng chợ Nam Am (phía Tây)	Đầu đường	Cuối đường	8.000	4.800	3.800	2.500	3.600	2.160	1.710	1.125	2.800	1.680	1.330	875
672	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Giáp địa phận xã Vĩnh Am (về phía cầu Đồng)	Cầu Lạng Am	12.000	7.200	4.400	3.000	5.400	3.240	1.980	1.350	4.200	2.520	1.540	1.050
673	Tuyến đường sông Chanh Dương (song song Quốc lộ 37)	Cầu Lạng Am	Giáp địa phận xã Vĩnh Am	12.000	7.200	4.400	3.000	5.400	3.240	1.980	1.350	4.200	2.520	1.540	1.050
674	Đường 17A	Giáp địa phận xã Vĩnh Am	Chùa Thái	12.000	7.200	4.400	3.000	5.400	3.240	1.980	1.350	4.200	2.520	1.540	1.050
675	Đường 17A	Chùa Thái	Cổng 1 Trần Dương	11.000	6.600	4.200	2.800	4.950	2.970	1.890	1.260	3.850	2.310	1.470	980
676	Đường 17B	Cầu Trần Hải	Giáp thôn 13	6.000	3.600	3.000	2.400	2.700	1.620	1.350	1.080	2.100	1.260	1.050	840
	Khu vực 2														
677	Khu tái định cư Dự án cải tạo tuyến đường từ cầu Lạng Am đến cầu Nhân Mục tại xã Lý Học	Đường nội bộ		10.000				4.500				3.500			
678	Đường trục xã	Đầu đường	Cuối đường	6.000	3.600	3.000	2.400	2.700	1.620	1.350	1.080	2.100	1.260	1.050	840
	Khu vực 3														
679	Đường trục chính thôn	Đường có mặt cắt từ 7m trở lên		6.000	3.600	3.000	2.400	2.700	1.620	1.350	1.080	2.100	1.260	1.050	840
680	Đường trục chính thôn	Đường có mặt cắt từ 5m đến dưới 7m		5.000	3.000	2.500	2.000	2.250	1.350	1.125	900	1.750	1.050	875	720
681	Đường trục chính thôn	Đường có mặt cắt từ 3m đến dưới 5m		4.000	2.400	2.000	1.600	1.800	1.080	900	750	1.400	840	750	720
682	Đường trục chính thôn	Đường có mặt cắt dưới 3m		2.500	1.800	1.500	1.200	1.125	810	780	750	1.050	800	750	720
64	XÃ VĨNH AM														
	Khu vực 1														
683	Đường 354	Cầu Chiến Lược	Giáp địa phận xã Nguyễn Bình Khiêm	12.000	7.200	4.500	3.200	5.400	3.240	2.025	1.440	4.200	2.520	1.575	1.120
684	Đường 354	Cầu Hàn	Giáp địa phận xã Nguyễn Bình Khiêm	12.000	7.200	4.500	3.200	5.400	3.240	2.025	1.440	4.200	2.520	1.575	1.120
685	Quốc lộ 37	Cầu Đồng	Giáp xã Nguyễn Bình Khiêm	15.000	9.000	5.000	3.500	6.750	4.050	2.250	1.575	5.250	3.150	1.750	1.225
686	Quốc lộ 37	Giáp xã Nguyễn Bình Khiêm	Bệnh viện đa khoa Nam Am	26.000	15.600	6.000	4.000	11.700	7.020	2.700	1.800	9.100	5.460	2.100	1.400
687	Quốc lộ 37	Bệnh viện đa khoa Nam Am	Đầu cầu Chiến Lược	15.000	9.000	5.000	3.500	6.750	4.050	2.250	1.575	5.250	3.150	1.750	1.225
688	Quốc lộ 37	Đường vào trụ sở công an xã Nguyễn Bình Khiêm (xã Cổ Am cũ)	Cầu Sông Hoá	19.000	11.400	5.600	3.800	8.550	5.130	2.520	1.710	6.650	3.990	1.960	1.330
689	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Cầu Đồng	Giáp xã Nguyễn Bình Khiêm	12.000	7.200	4.500	3.200	5.400	3.240	2.025	1.440	4.200	2.520	1.575	1.120
690	Đường vào cổng chợ Nam Am phía Đông	Đường trục xã	Cổng chợ Nam Am (phía Đông)	8.000	4.800	4.000	2.800	3.600	2.160	1.800	1.260	2.800	1.680	1.400	980
691	Đường 17A	Cầu Chiến Lược	Giáp xã Nguyễn Bình Khiêm	12.000	7.200	4.500	3.200	5.400	3.240	2.025	1.440	4.200	2.520	1.575	1.120

STT	Tên đường phố, địa danh	Đoạn đường		Giá đất ở				Giá đất thương mại dịch vụ				Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
692	Tuyến đường Sông Chanh song song QL37 từ cầu Chiến Lược đến cầu Lạng Am	Đầu đường	Cuối đường	12.000	7.200	4.500	3.200	5.400	3.240	2.025	1.440	4.200	2.520	1.575	1.120
	Khu vực 2														
693	Đường trục xã	Quốc lộ 37 (cầu Nam Am)	Nhà bà Vui	18.000	10.800	5.500	3.700	8.100	4.860	2.475	1.665	6.300	3.780	1.925	1.295
694	Đường trục xã còn lại	Đầu đường	Cuối đường	6.000	3.600	3.000	2.400	2.700	1.620	1.350	1.080	2.100	1.260	1.050	840
	Khu vực 3														
695	Đường trục chính thôn	Đường có mặt cắt từ 7m trở lên		6.000	3.600	3.000	2.400	2.700	1.620	1.350	1.080	2.100	1.260	1.050	840
696	Đường trục chính thôn	Đường có mặt cắt từ 5m đến dưới 7m		5.000	3.000	2.500	2.000	2.250	1.350	1.125	900	1.750	1.050	875	720
697	Đường trục chính thôn	Đường có mặt cắt từ 3m đến dưới 5m		4.000	2.400	2.000	1.600	1.800	1.080	900	750	1.400	840	750	720
698	Đường trục chính thôn	Đường có mặt cắt dưới 3m		2.500	1.800	1.500	1.200	1.125	810	780	750	1.050	800	750	720
65	XÃ VĨNH HẢI														
	Khu vực 1														
699	Đường Linh Đông - Cúc Phở	Ngã tư đường 37 mới	Ngã tư chợ Cộng Hiền	12.000	7.200	4.500	3.800	5.400	3.240	2.025	1.710	4.200	2.520	1.575	1.330
700	Đường Linh Đông - Cúc Phở	Ngã tư Cộng Hiền (Đường 17B)	Công ty Sao Mai	15.000	9.000	4.800	4.000	6.750	4.050	2.160	1.800	5.250	3.150	1.680	1.400
701	Đường Linh Đông - Cúc Phở	Công ty Sao Mai	Trạm y tế Tiên Phong	9.000	5.400	4.000	3.300	4.050	2.430	1.800	1.485	3.150	1.890	1.400	1.155
702	Đường Linh Đông - Cúc Phở	Trạm y tế Tiên Phong	Ngã ba cầu ông Diu	8.000	4.800	3.800	3.200	3.600	2.160	1.710	1.440	2.800	1.680	1.330	1.120
703	Đường Linh Đông - Cúc Phở	Ngã ba cầu ông Diu	Đê quốc gia	7.000	4.200	3.500	3.000	3.150	1.890	1.575	1.350	2.450	1.470	1.225	1.050
704	Quốc lộ 10	Giáp địa phận Hưng Yên (cầu Nghìn)	Cầu Kê Sơn	15.000	9.000	4.800	4.000	6.750	4.050	2.160	1.800	5.250	3.150	1.680	1.400
705	Quốc lộ 10	Cầu Kê Sơn	Giáp xã Vĩnh Bảo	12.000	7.200	4.500	3.800	5.400	3.240	2.025	1.710	4.200	2.520	1.575	1.330
706	Đường 17B	Quốc lộ 10 (Quán Cháy)	Ngã tư chợ Cộng Hiền	12.000	7.200	4.500	3.800	5.400	3.240	2.025	1.710	4.200	2.520	1.575	1.330
707	Đường 17B	Trường cấp III Cộng Hiền	Cầu An Quý	10.000	6.000	4.200	3.500	4.500	2.700	1.890	1.575	3.500	2.100	1.470	1.225
708	Đường 17B	Cầu An Quý	Giáp địa phận xã Vĩnh Am cũ	8.000	4.800	3.800	3.200	3.600	2.160	1.710	1.440	2.800	1.680	1.330	1.120
	Khu vực 2														
709	Đoạn đường	Cầu Đồng Mã	Đình Từ Lâm	8.000	4.800	3.800	3.200	3.600	2.160	1.710	1.440	2.800	1.680	1.330	1.120
710	Đoạn đường	THCS Tiên Phong	Cầu Đội 5 (Tiên Phong)	6.000	3.600	3.000	2.400	2.700	1.620	1.350	1.080	2.100	1.260	1.050	840
711	Đoạn đường	Cầu Đội 5 (Tiên Phong)	Ngã ba cửa nhà ông Minh (Tiên Phong)	5.000	3.000	2.500	2.000	2.250	1.350	1.125	900	1.750	1.050	875	720
712	Đoạn đường	Cầu ông Hựu	Ngã ba nhà ông Tam	6.000	3.600	3.000	2.400	2.700	1.620	1.350	1.080	2.100	1.260	1.050	840
713	Đoạn đường	Ngã ba nhà ông Tam	Đê quốc gia	5.000	3.000	2.500	2.000	2.250	1.350	1.125	900	1.750	1.050	875	720
714	Đoạn đường	Cầu An Quý	Cầu Ông Dương (Cộng Hiền)	5.000	3.000	2.500	2.000	2.250	1.350	1.125	900	1.750	1.050	875	720
715	Đoạn đường	Cầu An Quý	Đê quốc gia thôn 1 Hà Dương (Cộng Hiền)	6.000	3.600	3.000	2.400	2.700	1.620	1.350	1.080	2.100	1.260	1.050	840
716	Đoạn đường	Cầu trạm y tế	Nhà văn hoá thôn Lương Trạch (Thanh Lương)	6.000	3.600	3.000	2.400	2.700	1.620	1.350	1.080	2.100	1.260	1.050	840
717	Đường trục xã	Đầu đường	Cuối đường	6.000	3.600	3.000	2.400	2.700	1.620	1.350	1.080	2.100	1.260	1.050	840
	Khu vực 3														
718	Đường trục chính thôn	Đường có mặt cắt từ 7m trở lên		6.000	3.600	3.000	2.400	2.700	1.620	1.350	1.080	2.100	1.260	1.050	840
719	Đường trục chính thôn	Đường có mặt cắt từ 5m đến dưới 7m		5.000	3.000	2.500	2.000	2.250	1.350	1.125	900	1.750	1.050	875	720
720	Đường trục chính thôn	Đường có mặt cắt từ 3m đến dưới 5m		4.000	2.400	2.000	1.600	1.800	1.080	900	750	1.400	840	750	720
721	Đường trục chính thôn	Đường có mặt cắt dưới 3m		2.500	1.800	1.500	1.200	1.125	810	780	750	1.050	800	750	720
66	XÃ VĨNH HÒA														
	Khu vực 1														
722	Quốc lộ 37 (cũ)	Ngã ba (chợ Hà Phương)	Hết Bưu điện Hà Phương (đường vào thôn Nhân Lễ)	17.000	10.200	6.000	4.000	7.650	4.590	2.700	1.800	5.950	3.570	2.100	1.400
723	Quốc lộ 37 (cũ)	Giáp Bưu điện Hà Phương (đường vào thôn Nhân Lễ)	Hết nghĩa trang nhân dân thôn Nhân Lễ	13.800	8.280	5.200	3.600	6.210	3.730	2.340	1.620	4.830	2.900	1.820	1.260